TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2038**/2022/QĐST – VHNGĐ
Ngày: 28 – 11 – 2022
V/v "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: Công nhận thuận tình ly hôn
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phan Trịnh Minh Đức.

Thư ký phiên họp: Ông Bùi Viết Nhiên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên họp: Bà Đào Thị Xuân Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 532/2022/TLST-VHNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số 5702/2022/QĐST-VHNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự sơ thẩm:

1. Ông Ngô Xuân H, sinh năm 1974; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 32/4A ấp VH, xã TC, huyện HM, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 10691 Silver Cir Garden Grove, CA 92843 – 5159, USA.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 30/8/2022, bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H kết hôn năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 17/01/2019 do Ủy ban nhân dân huyện HM, Thành phố H cấp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng mỗi người sinh sống mỗi nơi, không gần nhau, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể cứu vãn. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H yêu cầu Tòa án công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H thuận tình ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến đề nghị: Từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên họp, Thẩm phán đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H về việc thuận tình ly hôn; Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, ý kiến của Kiểm sát viên, nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đây là yêu cầu của đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bà Nguyễn Thị Ngọc B đang cư trú tại nước Hoa Kỳ (USA) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa Gia đình và người chưa thành niên – Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét sự vắng mặt tại phiên họp của người yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Xét thấy trong hồ sơ bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H đã cung cấp lời khai, yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H có mặt tại Tòa án thì Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn giữa hai đương sự theo quy định tại Điều 212 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên hai đương sự đã có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt; Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành mở phiên họp xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H.

Xét nội dung vụ việc và yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H kết hôn năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 17/01/2019 do Ủy ban nhân dân huyện HM, Thành phố H cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H xác định sau khi kết hôn, vợ chồng mỗi người sinh sống mỗi nơi, không gần nhau, vợ chồng phát sinh nhiều

mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, không thể cứu vãn. Xét thấy, tại thời điểm yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H tự nguyện thỏa thuận chấm dứt cuộc sống hôn nhân, khả năng đoàn tụ không có; sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; không có tài liệu chứng cứ chứng minh yêu cầu này của các đương sự vì mục đích nào khác. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H theo quy định tại Điều 19 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên họp; Như nhận định nêu trên, xét thấy có cơ sở nên chấp nhận.

Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 2 Điều 38, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 371, Điều 396, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6 Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 17/01/2019 do Ủy ban nhân dân huyện HM, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án, Quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Ngọc B và ông Ngô Xuân H phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003293 ngày 25/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPH;
- VKSND.TPH;
- Cục THADS.TPH;
- UBND HHM,TPH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Phan Trịnh Minh Đức